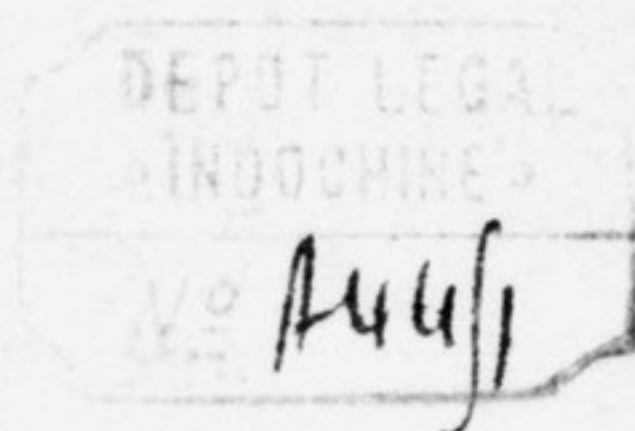


VĂN HỌC

XUẤT BAN NGAY THU BAY



MAURICE DEKOBRA

Cliché T. B. F. V,

Maurice Dekobra, một nhà văn sĩ được thế giới hoan nghênh.
— Nước Tàu có ngày nào thống nhất được chăng ? (văn thời-bình). — Văn
minh là gì ? (dịch Pháp văn). — Bước đường đi Mỹ (du-ký). — Gái giết
chồng (đoản thiên tiểu-thuyết). — Văn thơ. — Tin tức, v. v...

MAURICE DEKOBRA



Một nhà văn-sĩ mà sách đã dịch ra 25 thứ tiếng, được cả thế giới hoan nghênh, mỗi ngày tiếp được hằng mấy chục phong thư ở các góc trời gửi đến chúc tụng, tưởng cũng đáng cho ta đề ý. Maurice Tessier, biệt hiệu Dekobra, người ở thành Ba-lê, sinh ngày 26 Mai 1885.

Lúc nhỏ rất nghịch, thông minh sớm mà ít chăm học-tập; giữa lúc tuổi trẻ đang hăng hái, Dekobra trốn nhà đi theo tình nhân. Năm ấy Maurice phải thi vào ban văn-chương trường đại-học Paris. 15 ngày trước kỳ thi, ông gặp một người nữ-học-sinh Đức. Cái vẻ yêu kiều của nữ-sĩ làm cho ông quên cả tiền đồ, mặc bỏ sự học để theo cô ấy đến Elberfeld và Berlin. Khi trở về Paris, thi hỏng, bị hai thân trách phạt, ông bèn trở qua Berlin làm giáo sư Pháp-văn ở trường Lục-quân. Năm 1907, Maurice Dekobra lưu lạc đến Luân-đôn, áo quần rách rưới, râu đã ba ngày mà không có tiền cạo, bụng đói, đi lang thang giữa phố. Năm 1908, một buổi chiều kia, ông ta đi lang thang trong thành phố Alger. Vì muốn biết tương lai mình, nên Dekobra vào trong một cái *bong* mà bói. Một cô thiếu-nữ lấy trong giỏ ra hai con rắn gọi là *Cobras* để dưới cát và theo hình quanh co của rắn mà đoán số. Dekobra nào có tin dị đoan, chỉ vì háo kỳ mà đi xem số. Ra về, ông lắp đi lắp lại 2 tiếng: « deux Cobras » rồi tự lấy hiệu là Dekobra. Buổi chiều, tiên-sinh gửi bài về Pháp đăng và tin cho chủ báo biết rằng từ đây ông sẽ đổi tên là Maurice Dekobra.

Năm 18 tuổi, Tessier đã viết báo; ở Đức, Nga và Đan-Mạch ông làm phóng sự cho báo Pháp. Đến 20 tuổi ông đã diễn thuyết ở Berlin rồi. Kỳ Âu-châu đại-chiến, ông làm trung-ủy thông-ngôn trong quân đội liên-bang. Năm 1920, ông đi khắp Mỹ để vận động về việc bầu cử dân biểu cho Harding và Cox. Trong lúc ấy, ông diễn

thuyết và viết báo bằng tiếng Anh cùng viết bài gửi về đăng ở *Revue des deux Mondes*...

Ấy là một nhà văn-sĩ đã du-lịch khắp thế giới, đi đến đâu đều có khảo cứu phong-tục, rồi soạn sách, viết báo. Hiện bây giờ người ta tính rằng thơ của đọc-giả gửi tới khen ngợi tài của ông chỉ thua Balzac mà thôi.

Còn sách đã bán trên 2.500.000 quyển. Số xuất bản chỉ thua thánh kinh (Bible) và sách của Shakespeare. Dekobra là văn-sĩ được bạn gái thế-giới yêu chuộng. Đi đâu được hoan nghênh đấy, tới đâu thiên hạ đều chực mà xin đề tặng cùng chữ ký.

Năm ngoái Dekobra qua Tàu và Nhật để khảo cứu phong tục nữ lưu. Tác giả chỉ ở có 3 tháng trong 2 xứ ấy mà cũng am hiểu được nhiều phong tục. Phóng viên *Impartial* hỏi đến Nhật-bản, ông trả lời rằng: « Nhật bản? Một nước rất sinh đẹp, một cái cảm giác không thể nào quên được. Ông hãy tưởng một dân tộc rất hoạt động, một phong tục cực mới trong một cảnh trí tối cổ mà phong tục vẫn không di dịch. Tất cả đều theo một qui củ, một cách xếp đặt rất hoàn bị »

Hỏi đến Trung Hoa ông nói:

— Trung Hoa? Một danh từ để chỉ một xứ lớn mà rời rạc. Thật ra không có Trung Hoa, chỉ có Thượng Hải, Nam kinh, Bắc Kinh, v.v. Đây, cái quá khứ cũng đang còn mãnh liệt. Một tấm màn văn minh cực mỏng trên cái phong tục mấy ngàn năm. Nhất là gia đình tập tục vì gia đình Trung Hoa là một cái mãnh lực vô địch mà văn minh cận kim không thể nào lay chuyển được. Đây là cái thuyết của sách tôi sau này, người ta sẽ thấy cái trở lực dữ dội của phần đông quốc dân, của gia đình thủ cựu một đời kẻ tân tiến. »

Hai câu trả lời ấy đủ tỏ cho ta rằng Dekobra rất am hiểu phong-tục Nhật-Bản và Trung-Hoa. Sau cuộc khảo-cứu ấy, ông đã cho xuất bản quyển *Conficius en Pull-over* là tập phóng-sự trước khi in ra sách đã đăng trong báo và quyển tiểu-thuyết *Madame Joli-Supplie* vừa mới xuất bản tháng trước đây. Hai quyển ấy đủ chứng tỏ một lần nữa, cái tài năng của tiên-sinh. Vì sao mà Dekobra được thiên-hạ yêu chuộng như vậy? Vì văn-thể mới mẻ hoạt-bát lại ý-tưởng phong-phú dồi dào, rất hợp tâm-hồn của độc-giả. Từ « *Mon cœur au Ralenti* » đến « *Madame Joli-Supplie* », quyển nào coi cũng có lý-thú, khiến người đọc phải thức suốt đêm mà xem truyện. Dekobra đã có công du-lịch khắp nơi mà khảo-cứu tâm-lý nữ-lưu, lại thêm văn thiết thực, giọng hài-hước, làm cho độc-giả coi không chán mà lại càng hăm mộ văn-sĩ có đủ tình-cảm để tả những vai chính trong truyện.

Hiện nay tiên-sinh đã 50 tuổi mà vẫn còn giữ chủ-nghĩa lạc-thân để khỏi bận bịu vì gia đình.

Ngày 22 Mars 1934, Maurice Dekobra đến Huế, đêm ấy nhà sách Đắc-Lập có tổ chức cuộc tiếp rước long trọng để Dekobra ký sách cho độc-giả. Sau khi đề-tặng sách, có tiệc rượu mừng. Phạm tiên-sinh nâng cốc rượu chúc Dekobra : « En l'honneur de votre future œuvre qui sera certainement sur Huế ». Nhưng năm ngoài Maurice ghé Đông-Dương để xem qua phong cảnh, chứ không có ý khảo sát. Ông hứa sẽ trở lại Đông-Dương. Nay mai chúng ta sẽ được hân-hạnh tiếp rước một lần nữa nhà văn-sĩ mà thế-giới đều ca tụng.

T. N. B.

VAN - HOC TAP - CHI

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

GIÁ BÁO :

Một năm 2\$ — Nửa năm 1\$

Mua báo kể từ 1er và 15
và phải trả tiền trước
(Nếu chỗ ở không tiện mua
mandat, thì tiền mua báo trả
bằng tem (cò) cũng được)

Tòa soạn và Trị - sự :
193, Phố hàng Bông — Hanoi

CUON

SỐ TAY

Mục này mở ra cốt đề ghi các điều cần phải biết hay cần phải tra cứu để hiểu các bạn hiểu học

X

CHỮ COCHINCHINE BỞI ĐÂU RA ?

Theo một quyển sách cũ thấy ông Joao de Barros (1552) dùng tiếng *Cochy China* trước nhất.

Ít năm sau, một nhà văn sĩ Bồ - đào - Nha (Portugal) tên là Camoëns làm một bài thơ đầu đề là « *Luciades* » trong có một câu dịch ra Pháp văn rằng :

« *Vois se dérouler la Côte appelée Champa dont la forêt est embellie de bois odoriférants. Vois Cauchichina à peine connue encore, et l'anse ignorée d'Aïno (Hai-nan) Chữ Cochinchine bởi chữ Cauchichina chẳng?* »

Một ông cổ khác tên là Joad Vicira lại nói : chữ Cochinchine bởi chữ *Kẻ chợ* và chữ *Chinois*.

Ông Luro lại nói chữ Cochinchine gốc bởi chữ *Chen-chin* (Chiêm Thành) và chữ *giao* (Giao chỉ). Giao Chiêm Thành : Cochinchine.

Gần đây, người ta bàn đi nói lại nhiều có nghi chữ Cochinchine bởi chữ *Cồ chiêm Thành* mà ra. Nguyên người Tây trước viết Co-Tchin-Sheng, chữ này người Bắc kinh đọc là Cồ Chiêm Thành, có lẽ vậy chẳng?

Các độc-giả ai biết rõ xin bảo giùm.

CHÚC-NHÂN



DỊCH PHÁP VĂN



Qu'est-ce que la civilisation ?

Pour être un civilisé, il faut connaître quelque chose aux forces qui nous entourent. On est d'autant plus civilisé qu'on les connaît mieux. Un sauvage n'a rien compris à l'univers ; et nous, nous en avons compris un peu davantage, très peu cependant. Savoir que la variole est une maladie microbienne, et non la méchanceté d'un Ange exterminateur, c'est de la civilisation. Comprendre qu'une éclipse de lune est due à l'interception des rayons solaires par la globe terrestre, et non à un dragon qui la dévore, c'est sortir un peu de la barbarie ; dire que l'air est pesant, et constitué par le mélange de deux gaz différents, c'est un premier degré de progrès intellectuel.

En effet, le plus souvent, la connaissance des choses implique quelque possible utilisation de ces choses, quelque adaptation à nos besoins. Si l'on sait que la variole est due à un microbe, et qu'elle ne peut plus infecter notre organisme quand notre organisme a été préservé par un autre microbe, c'est de la civilisation. D'abord parce que c'est un fragment de la connaissance des choses, ensuite parce que, nous appuyant sur cette connaissance même, nous pouvons prévenir la variole et par conséquent dissiper quelques misères cruelles.

(A suivre)

CHARLES RICHET

(Le savant, Hachette, éditeur)

Văn-minh là gì ?

Muốn là một người văn-minh, phải hiểu biết đôi chút về các sức mạnh ở xung quanh ta. Người ta càng hiểu biết các sức ấy bao nhiêu thì càng văn-minh bấy nhiêu. Một người dã-man không hiểu tí gì về vũ-tru ; còn chúng ta đã hiểu hơn được một chút, nhưng cũng chưa được là bao nhiêu. Biết rằng bệnh đậu mùa là một bệnh do vi-trùng sinh ra, chứ không phải do một vị Hung-Thần ra tai, đó là văn-minh. Hiểu rằng nguyệt-thực là do trái đất che ánh sáng mặt trời chứ không phải bởi con rồng ăn mặt trăng, thế là ra khỏi vòng dã-man được một chút ; bảo rằng không-khí nặng và do hai thứ khí khác nhau trộn lẫn mà thành ra, đó là bước thứ nhất trong cuộc tiến-bộ về đường trí-thức.

Thật vậy, thường thường ta hiểu biết các vật, ta có thể dùng được các vật ấy, khiến cho các vật ấy thích-hợp với các điều nhu yếu của ta. Nếu người ta biết rằng bệnh đậu mùa do một giống vi-trùng sinh ra, và khi nào cơ-thể của ta đã có giống vi-trùng khác phòng giữ cho thì bệnh ấy không thể làm hư cơ-thể ta được nữa, thế là văn-minh đấy. Trước hết là vì đó cũng là một điều cón-con trong việc « cách vật trí tri », sau nữa là vì ta có thể tựa vào sự biết ấy mà phòng bị bệnh đậu mùa mà nhờ đấy mà làm tiêu-tán ít nhiều nỗi cực-khổ ở trên đời.

(Còn nữa)

HẢI-LƯỢNG dịch



Nước Tàu có ngày thông nhật được chăng ?



Trời ơi ! nói đến chuyện nước Tàu thì cũng thật là một câu chuyện « Tàu » hiếm có. Một câu chuyện dồn hết cả bao nhiêu là thảm-kịch, ác-kịch, bi-kịch, hi-kịch, xú-kịch cùng trong một lúc ở trên cái sân khấu rộng lớn nhất đời, đủ mặt trò, nào chí sĩ cao nhân, nào anh hùng hào kiệt, nào người hiềm sâu giáo quyệt, nào kẻ tợn ngược hung tàn, nào người tranh lợi tranh danh, nào kẻ tham tài tham sắc, nào người đắc chí ung hoành lừng lẫy, nào kẻ thất thời uất ức lao tao, nào anh khua chuông gõ mõ lên cái mặt làm dân, nào chú trợn mắt phùng mang đóng cái vai xưng đế, nơi này cờ đỏ, chỗ nọ tàn vàng, phe thì dòn-dip liên Nga, cánh thì âm-thầm kết Nhật, có người hôm nay đương được hoan nghênh khắp chỗ, ngày mai đã bị tróc nã cùng nơi, có kẻ ở đây lần lút là một đứa đào tù, ra đó nghênh ngang là một viên thượng tướng, cái cảnh - tượng ngang mắt chướng tai, kinh hồn động phách, khiến cho người xem trò cười dở, khóc dở, giận có, tức có, thương có, ghét có, mà khó sao đoán định được chung cục lúc hạ màn. Cái câu hỏi đầu tiên trên bài này tưởng ai nói chuyện Tàu, nghe chuyện Tàu cũng phải băn khoăn nghĩ ngợi tới vậy. Nay ta thử trông xa về dĩ vãng và xét rộng tới tương lai, xem tấn tuồng « Tàu » ấy nó sẽ kết thúc ra thế nào ?

Giá thử về dĩ vãng mà nước Tàu là một bộ lạc còn man-giã tối tăm, chưa bao giờ kiến thiết nên được một quốc - gia vững chãi, chưa bao giờ tổ-chức thành được một xã hội hoàn-toàn, chưa có một đoạn lịch sử nào gọi được là quang vinh hiển hách, nhân dân trong nước chưa có một nền văn hóa nào riêng, chưa có một tí gì cái quan niệm quốc-gia, cái tư-tưởng dân tộc ; nay lại gặp phải cái hồi tan hoang nhiều loạn, rồi cứ tan hoang nhiều loạn mãi cho đến nỗi tàn giống lun thì thôi. Nhưng ta xét cái dĩ vãng của nước Tàu thì không có thế. Nước Tàu là một nước cổ, quốc gia xã hội thành lập đã mấy ngàn năm nay ; trải bao đời có những bậc đại - thánh đại - hiền, anh hùng hào kiệt đem cái thiên tài sáng tạo, cái nguyên lực hoành vĩ mà dựng đặt ra chế độ, hun nung thành phong tục, có chính hình, có lễ giáo, có đạo đức, có luân thường gắn chặt cái đoàn thể con cháu Hi Hiên bốn vạn người, tô điểm cho một đại lục non sông hoa trùm gấm phủ ; cái lịch sử sớm nhất mà giải nhất trong nhân - loại thế - giới, nào văn trị, nào võ công, nào thành đức, nào hiền hạnh, nào những triết lý, tôn giáo rất cao siêu huyền diệu, nào những văn nghệ mỹ thuật rất hoa lệ hùng hồn, nào những vết máu ái quần ái chủng đầm thắm lâm ly, nào những giấu thơm giúp nước giúp

đời vẻ vang chói lọi, bao nhiêu đoạn quang vinh hiển hách đủ kêu gọi cho cái tình cảm con người đối với cái lịch sử ấy không thể không hưng khởi phấn phát, tự tôn tự ái, tự lệ tự cường ; nhân - dân đã bao đời cư - tu trưởng dưỡng ở trong một cái văn hóa không phải không tốt không hay, biết lấy đạo nghĩa làm trọng, lấy lợi lộc làm khinh, biết tương ái tương thân, tương bảo tương trợ, làm phận trên biết thương xót kẻ dưới, làm phận dưới biết kính sợ người trên, biết cùng nhau xu-hướng vào một cái chủ nghĩa quang-minh, biết cùng nhau gom góp vào một cái sự - nghiệp công-cộng ; ta cứ coi những chuyện như đảng Thanh-ngệ đời Hán, đảng Đông-lâm đời Minh, năm trăm nghĩa sĩ chịu chết trong đảo với Điền - Hoành, ba trăm bảy mươi người thân-hữu môn-sinh chịu chết trong lao-tù với Phương - hiếu - Nhụ, lại còn mấy chục pho liệt-chuyện những bậc hiền tử trung thần, trinh-phụ, liệt nữ đều chỉ vì một cái chí tiết cao thượng mà vút bỏ được cả đỉnh chung, biên miện, xem thường được cả giúi búa gươm dao ; ta lại coi khắp hết trong nước Tàu những việc từ-thiện cứu tế, những viện công-ích công lợi phần nhiều là tự đoàn-thể trong dân hợp lực sáng biện, đảm nhiệm duy trì cả ; cho đến những kẻ đi tha phương cầu thực, dù mang gói

xách, kiều cư ký ngụ nơi đất khách quê người mà cũng diu dắt nhau lập nên được thương hội, công quán, có chùa miếu để thờ phụng, chung có trường học để học tập chung, có nhà thương để chữa bệnh chung, có nghĩa-địa để chôn cất chung, những hội đồng phường, đồng nghiệp, đồng tông, đồng hương không đâu không có; cho đến từ khi tiếp xúc với cái luồng sóng cạnh tranh trong hoàn hải, những cái bị kém hèn sỉ nhục là chỉ tự chính phủ họ hư hỏng chưa ra thế nào, chứ nhân dân họ đối ngoại cạnh tranh về đường học vấn, về đường giao tế, về đường kỹ nghệ, về đường thương mại họ cũng vẫn ra sức phấn đấu, không hề có chịu ép một bề; họ cũng có công-ti ngân hàng, công-ti thuyền cục,

công ti lập nhà máy xưởng thợ, công ti buôn xuất cảng nhập cảng chẳng kém cạnh ai; nào bài Mỹ, nào bài Anh, nào bài Nga, nào bài Nhật, mỗi một trận tẩy chay là một trận làm cho người ngoài phải biết được lực lượng đoàn thể của người Trung-Hoa; cái sỉ nhục cho nước họ cũng biết cùng xấu; cái họa hại cho nước họ cũng đã biết cùng lo; cái thắng lợi cho nước họ cũng đã biết cùng vui; cái tổn thiết cho nước họ cũng đã biết cùng tức; một dân tộc như thế quyết không phải là một dân tộc dễ tiện dờn hèn, thì không có lẽ nào lại cứ chịu tam phân ngũ liệt, sông máu non thây mãi như thế cho đến ngày luân vong vĩnh kiếp. Có xét như thế mới biết con sư ngũ phương đông rồi thế nào cũng có ngày

giây nổi; cái nước cổ hơn mười thế kỷ nay hoàn toàn thống nhất rồi thế nào cũng lại hoàn toàn thống nhất như xưa; cái cuộc phân ly cát cứ hồi này chẳng qua cũng như những hồi Tam quốc sau đời Hán, hồi Lục triều sau đời Tấn, hồi Ngũ qui sau đời Đường; nhân tài sàng lọc cho chán rồi mới đến ngày thành tựu, nhân tâm hoán lán cho chán rồi mới đến ngày yên định, gian hoạt tung hoành cho chán rồi mới đến ngày liêm chấp, binh hỏa loạn lạc cho chán rồi mới đến ngày thái bình, khác nào qua hết cái cơn đông bão mây mù rồi mới lại thấy trời quang gió lặng.

(còn nữa)

DƯƠNG BÁ TRẠC



HỘP THƯ

Ô. Nguyễn-văn-Thiện *Vientiane*. — Số tiền 0\$67 ông gửi ra trả nốt tiền Văn-Học chúng tôi đã nhận được.

Ô. Ngô-dình-Đầu, *Mytho*. — Thư ông gửi ra hỏi mua « Thế-giới ngữ » chúng tôi không tiếp được nếu ông định học thì nên theo lớp Hàm-thụ như cách-thức đã nói ở trong phụ trương số 3 trang 16 đã gửi vô ông.

Ô. Trần ngọc Banh, *Huế*. — Mandat 2\$00 ông gửi ra trả tiền mua V. H. tôi đã nhận được.

Ô. Nguyễn văn Nhiều, *Bac Liêu*. — Mandat 1\$67 ông gửi ra mua V. H. và sách chúng tôi đã nhận được (sách đã gửi vô ông rồi).

Ô. Nguyễn thạc Lực, *Bến Thủy*. — Mandat 1\$00 ông gửi ra trả nốt tiền V. H. và mua sách chúng tôi đã nhận được (sách đã gửi vô ông rồi).

Ô. Nguyễn Đóa, *Quang Ngãi*. — Mandat 1\$17 ông gửi ra trả nốt tiền V. H. chúng tôi đã nhận được.

Ô. Hồng đức Thanh, *Long Xuyên*. — Mandat 2\$17 của ông gửi ra sau, chúng tôi đã nhận được. Sách Võ Tồn và Trường sinh thuật hết đã lâu, chưa in xong, bao giờ in xong sẽ mua gửi vô ông.

Ô. Trần hữu Khánh, *Ninh Bình*. — Mandat 2\$00 ông gửi ra trả nốt tiền báo và mua sách chúng tôi đã nhận được (sách đã gửi vô ông hôm 14-1-35 rồi).

Cụ lớn Vương đại Nhân, *Quinhon*. — Mấy quyển sách Cụ Lớn hỏi không đâu còn cả, xin nói đề Cụ Lớn rõ.

Ô. Nguyễn đăng Trà, *Ninh Bình*. — Mandat 1\$00 ông gửi ra trả nốt tiền V. H. chúng tôi đã nhận được.

Ô. Nicolas Ngô tấn Sĩ, *Tuy Hòa*. — Mandat 1\$00 ông gửi ra mua V. H. chúng tôi đã nhận được.

Ô. Phạm gia Ninh *Quảng Trị*. — V. H. số nào cũng gửi đủ vô để ông xem không biết vì sao ông không nhận được, còn cách của Á. T. T. T. ở hiệu tôi không có bán.

Ô. Nguyễn văn Đề, *Vĩnh-Lộc*. — Bài thơ chữ Pháp của ông hay dở thế nào tôi không dám phê bình, vì thi-luật chữ Pháp không phải là điều sở trường của tôi. Xin ông lượng biết.

H. L.

CHUYỆN CŨTư-Mã Tương-Như và nàng Trác-văn-Quân

Tư-Mã Tương-Như tự là Trường Khanh, người ở đất Thành đô, nức tiếng là một tay hào hoa phong nhã.

Vì đem tiền quyền được chức quan nên Tương Như thường được lui tới chốn triều đường. Gặp khi vua nước Lương vào châu Cảnh-đế, có bọn danh sĩ Châu-Dương theo phò giá, Tương Như đem lễ ra mắt để kết giao cho thỏa lòng bấy lâu hâm mộ. Kế vua nước Lương về, Tương Như đi theo Châu-Dương qua nước Lương du lãm. Qua đến đó, Tương Như làm ra bài phú « ngọc như ý », vua nước Lương đọc lấy làm khen ngợi lắm nên ban cho một cây đòn có khắc bốn chữ « đồng tử hợp tình ».

Chơi phiếm ở nước Lương rồi, Tương-Như trở về, nhưng nhà nghèo quá, không đủ cung cấp cho cái sống phong lưu, Tương Như bèn tìm đến lý-sở quan Thú-Lệnh đất Lâm-Cùng tên là Vương-Cát mà nhờ vả. Gần đó có nhà Trác-vương-Tôn giàu lắm. Lại gì cái thói xu mị phùng nghinh của đời, Trác-vương-Tôn khi nghe thấy nhà quan thú lệnh có bậc khách quý bèn đặt tiệc mời. Tương-Như nghĩ sao không biết lại thác bệnh không chịu đi, chỉ một mình quan Thú-lệnh Vương-Cát đến, nhưng Vương sợ mịch lòng khách, không dám ăn uống một mình, bèn trở về mời Tương-Như cho kỷ được.

Nề lòng nhà chủ, Tương-Như phải chỉnh tề khăn áo, ôm luôn cây đòn của vua Lương đã ban cho đến dự tiệc. Ba người cùng ngồi vào ăn uống. Quá vài tuần rượu, quan Thú Lệnh đứng dậy, nâng cây đòn lên, trông vào Tương-Như mà rằng: Trộm nghe tiên sinh đòn hay tuyệt thế, ước gì cho chúng tôi được nghe một đôi bài, thiệt là hạnh phúc cho chúng tôi vậy.

Sau mấy lời từ chối theo cách khiêm nhường, Tương-Như ôm đòn, dạo dây mà gảy.

Con gái họ Trác là nàng Trác văn Quân bấy giờ mới mười bảy tuổi, nhưng vì bốn tánh

thông minh nên nghề âm nhạc đã hiểu được nhiều ít, đứng trong rèm thầm khen không dứt, Tương Như biết được bèn đặt ra hai bài thơ « Phượng cầu Hoàng » nghĩa là « con chim Phượng cầu con Hoàng » (Phượng là con trống, Hoàng là con mái), phỏ vào đòn để gảy mà gọi lòng Văn Quân, tiếng đòn uyển chuyển du dương hay quá làm nao động cả tâm hồn Văn Quân.

Văn Quân hé rèm dòm xem trộm Tương Như thấy người rất mực phong lưu lịch sự lấy làm quý mến ước ao rồi cứ ngồn ngàng hồi hộp sợ mình không xứng với người.

Sah khi tan tiệc, Tương-Như lấy tiền mượn con Thị tỷ thông tin cho Văn - Quân. Văn - Quân lấy làm mừng lắm, lập tức đính hẹn, rồi qua nửa đêm trốn ra với Tương-Như, cùng nhau lên xe đi mất.

Họ Trác thấy con gái nhà mình trốn theo trai như vậy lấy làm tức giận lắm bèn tuyên bố từ hẳn Văn-Quân và sau không chia gia tài cho nữa.

Dầu thân-thích họ hàng có lấy điều hơn lẽ thiệt mà khuyên giải, họ Trác cũng khăng khăng nhưt quyết. Tương Như đem Văn-Quân về quê, song nhà Tương Như vốn nghèo sẵn, hai vợ chồng sống với nhau rất là cực khổ, có bữa túng bấn muôn phần đến nỗi phải mang áo lạnh đi cầm lấy tiền mua rượu để vợ chồng cùng uống mà giải sầu. Tuy vậy Văn-Quân không hề lấy làm phàn nàn chi cả.

Mãi đến sau thấy cùng đường hết nước, vợ chồng không biết tính thế nào, mới bỏ nhà dắt nhau trở về đất Lâm-Cùng.

Không dám vào nhà họ Trác, vợ chồng mới bán cả xe ngựa, lấy tiền mua một cái quán bán rượu để mưu kế sinh nhai. Thôi đến nỗi này vợ chồng cực khổ nhọc nhằn không sao kể siết, hằng ngày Văn-quân ngồi bán rượu và tiếp khách Tương-Như cùng đây đó phải bưng dọn đồ nhắm, có lúc xắn quần ngồi giữa chợ rửa chén rửa đĩa.

Nghe nói tệ quá, họ hàng thân thuộc tới bảo Trác-vương-Tôn rằng Văn-Quân đã lỡ đại trốn theo Trương-Như, nay chuyện ấy lỡ rồi, cũng như nước đổ không thể nào hốt lại được.

Song Trương-Như không phải hạng người thường sau này thế nào cũng rõ mặt với đời được, vậy ông nên nghĩ tình con rể mà giùm giúp cho hai người đề mong chóng thấy ngày thành đạt. Trác-vương-Tôn nghe phải, bèn đem rất nhiều tiền bạc làm của hồi môn cho Văn-Quân.

Thiệt rõ ràng là bất cực thái lai, hai vợ chồng Văn-Quân bèn đem của về Thành đô mua tậu ruộng vườn nhà cửa, lập nên sự sản cơ đồ, phút chốc nghiêm nhiên là một tay cự phú.

Người đời hễ rủi lại thường gặp lắm cái rủi rập mà hễ may lại cũng thường gặp lắm cái may đồn, Trương-Như đây cũng vậy.

Tưởng bây giờ có tiền muôn bạc ức, có tòa dọc dẫy ngang cùng Văn-Quân chung hưởng cái hạnh phúc hạ sinh lúi ngót như thế đã thỏa lắm rồi, không còn mơ ước chi nữa, nhưng có lẽ đối với một cặp giai nhân tài-tử thương nhau quá khăng khít chân thành, trời còn muốn thử thách cho thật nhiều hơn nữa.

Phải, chắc như vậy, cho nên kể đó ít lâu nhà vua ngự lãm bài phú « Tử-hư » của Trương-Như lấy làm hay lắm, bèn cho triệu « nhà tác-giả Trương Như » vào triều, phong quan tước, rồi sai đi sứ mưu việc giao hảo với các nước láng giềng, Trương Như đi đến nước nào, vua quan nước ấy đều phải ra tận ngoài thềm đón rước, thật là vinh hiển rõ ràng.

Bây giờ Trác vương-Tôn mới tự hỏi, và ngậm ngùi than thở mà rằng: « Tiếc cho con gái ta biết Trương-Như hơi muộn ».

Đây xin chép y nguyên-văn hai bài « Phụng-cầu-Hoàng » của Trương-Như đã phổ vào đờn và xin tạm dịch lại bằng quốc âm để bạn đọc thưởng thức.

Nguyên văn bài thứ nhất

PHƯỢNG HÈ, PHƯỢNG HÈ QUI CỔ HƯƠNG
NGAO DU TỬ HẢI CẦU KỲ HOÀNG,
THỜI VỊ NGỘ HÈ VÔ SỞ TƯƠNG
HÀ NGỘ KIM TỊCH THẮNG TỰ ĐƯỜNG.
HỮU DIỄM THỰC NỮ XỬ LAN PHƯƠNG,
THẤT NHĨ, NHÂN HÀ, ĐỘC NGÃ TRƯỜNG,

HÀ DUYÊN GIAO CẢNH VI UYÊN ƯƠNG,
TƯƠNG BIỆT CANG HỀ ĐỒNG CAO TƯỜNG.

Diễn nôm

Kìa con phượng bay về quê cũ,
Cầu con hoàng đạo đủ nơi nơi.
Làm sao khi chữa gặp thời ?
Đêm xuân ai biết lại chơi nhà mình.
Chốn phòng lan gái xinh sẵn có,
Khách đâu ta ? Nhà đó, đau lòng.
Duyên sao nên được vợ chồng,
Uyên ương cất cánh song song một đoàn.

Nguyên văn bài thứ nhì

PHƯỢNG HÈ, PHƯỢNG HÈ TÔNG HOÀNG THÊ,
ĐẮC THÁC HOA VĨ VĨNH VI PHI,
GIAO TÌNH THÔNG THỂ, TÂM HÒA HẢI,
TRUNG DẠ TƯƠNG TÔNG CHI NGÃ THÙY ?
SONG DỤC CẦU KHỞI PHIÊN CAO PHI.
VÔ CẢM NGÃ TƯ SỬ DỮ BI.

Diễn nôm

Kìa con phượng theo con hoàng hậu,
Nhờ yên nơi giai ngẫu lâu dài.
Tình trọn lòng được hòa hài,
Bèm theo nhau trốn, đổ ai biết nào ?
Vây đoàn cất cánh bay cao,
Tình ta không đoái, bao nao dạ sầu.

ĐẠM-TRANG
(dịch thuật)

Tân Thiệu-Niên

TUẦN BÁO

Boite postale n° 106 Hanoi

Báo ra 12 trang lớn giấy láng

Nhiều bài hay, có phụ bản đẹp

Xuất bản ngày 26-1-1935

Giá báo: mỗi số 0\$07

Một năm 3\$20 — Nửa năm 1\$80

Số đầu có những bài:

Đời trong ngục

Tập ký ức của một người tù chính trị.

NHƯỢNG TỔNG

Quốc Hồn

của TỔNG CHI

Phóng sự

Về một hạng anh em lao động

LÊ TRUNG NGHĨA

Tiểu thuyết giải hay nhất

LƯU TRỌNG LƯ

THI THOẠI

Nhà văn-nhân Pháp nào có câu :

« Les Dieux eux-mêmes meurent,
« Mais les vers souverains demeurent ».

Mình thánh cũng có ngày vận mất,
Chỉ câu thi tuyệt-tác mệnh trường.

Thật vậy, như Cụ Bach-Xi, người Hòa-Ninh, phủ Quảng-Trạch, tỉnh Quảng-Bình, nhạc phụ ông Đình-nguyên Nguyễn-thái-Bạt (1) vốn là một bậc anh-hào đời Thành-Thái, mà đến nay người ta vẫn còn nhắc đến câu Cụ vịnh cái quạt :

Mát mặt nhân - gian khi lặng gió,
Đừng đầu thiên hạ lúc quang mây (2).

Các nhà danh-sĩ đời nay, hẳn ai cũng muốn « Bất hủ tài tiêu nhất cú thi » như thế cả, nên thỉnh thoảng trong các báo chí cũng thấy có một vài bài đáng nhớ.

Tức như trong báo Tiếng - Dân mấy năm về trước thấy có bài :

LẤY ANH THÌ LẤY, NĂM CHUNG KHÔNG NĂM

Thời thế gậy nên đạo vợ chồng,
Lấy anh đâu dễ chịu năm chung.
Ừ chơi cho nó toi đồng bạc.
Thực chẳng để ai nếm má hồng.
Cười gượng nhiều khi che nửa mặt,
Khóc thầm một mối khác hai lòng.
Bao giờ duyên mới thay duyên cũ,
Thuận cả hai bên tát bể đông.

Không nhớ mỹ-hiệu tác giả là gì, song coi đó đọc-giả tất cũng phải nhận là một tay sành nghề.

Còn trong tạp - chí Văn-Học năm ngoái thấy có bài :

BỨC DƯ-ĐỒ RÁCH :

Nọ bức dư-đồ thử đứng coi,
Sóng sóng núi núi khéo bịa cười !
Biết bao lúc mới công vờn-về,
Sao đến bây giờ rách tả tơi ?

Ấy trước ông cha mua đề học,
(nói mua đề học có lẽ chưa bằng danh đề học)
Rồi sau con cháu tưởng là chơi !

1) Ông Nguyễn-thái-Bạt hỏi con gái cụ lúc ông xuất dương về, tức là sau khi cụ đã qua đời rồi.

2) Người ta thường lấy quạt đề che đầu,

Thôi thôi có trách chi đàn trẻ.

Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi !

(NGUYỄN-KHẮC-HIỆU)

Câu kết có người bảo rằng hay thời thật là hay, duy chữ « thôi » thứ ba làm cho lời văn mềm, tuy khi văn thời hùng. Song hẳn Tần-Hà Tiên-sinh ham rằng chữ « thôi » cùng chữ « rồi » chữ « bồi » hướng vận làm cho câu luyện, và muốn lặp đi lặp lại cho được nhiều chữ « thôi » Vì đó là cái sở thích của các nhà thơ xưa nay :

Cụ Nguyễn-Du thì :

Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cán,

(5 chữ cho)

Cụ Nguyễn-Khuyến thì :

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.

(5 chữ không)

Chu-Sơn tôi thấy vậy cũng thu lăm, nên trong một cuốn tiểu - thuyết bằng vận-văn mà tôi sẽ cho xuất-bản nay mai, tôi cũng có tập làm mấy câu :

Rằng Hợp - quận, rằng Hoan-châu,
Rằng đi, nào biết đi đâu mà rằng !

(4 chữ rằng)

Bây giờ kẻ Việt người Hồ,
Đợi bây giờ đến bao giờ là bao !

(2 chữ bây giờ, 2 chữ bao)

Người : người, người với người ta,
Người yêu-ma, cũng yêu - ma với người (4).
(6 chữ người, 2 chữ với, 2 chữ yêu ma)

Chả biết mấy câu ấy ra sao mà các nhà nho có tiếng như ông Nguyễn như-Thiếp, ông Trần-văn-Khâm, ông Trần-văn Uần, ông Trần-dinh-Viên, ông Nguyễn-Thư hề thấy mặt tôi thì lại đem ra ngâm !

Chu-Sơn NGUYỄN-VĂN-ĐỀ

3) Câu này nghĩa là : « Nói Hợp quận, nói Hoan châu, nói đi thế chứ biết đi đâu mà nói ! » (tả chàng kia không nhất định đi trốn đâu).

4) Câu này nghĩa là : người mà người, thời cũng người với người ta, bằng mà người yêu ma thời cũng yêu ma với người ! (tả 2 chàng kia mắng lộn nhau).
Sợ có khi « từ bất đạt ý » nên phải giải rõ đề đọc giả nghĩ.

G Á I G I E T

Một buổi chiều về cuối đông.
Một buổi chiều u-âm, giá rét
gió bắc thổi mạnh đem theo
những nỗi buồn tê lạnh lòng
xa xôi về cho những cảnh gia
đình sắc sỡ, nghèo đói.

Bầu trời mỗi lúc một vẩn-đục
nặng trĩu như muốn đổ ụp xuống.

Trong nhà Trương tuần Bản,
dưới ánh đèn mờ tối sáng phản
tranh, hai cái bóng đen ngồi đối
diện nhau im lặng...

Một lát, sau khi rít hơi điều
cày, người đàn ông đứng phắt
dậy, trừng trừng nhìn thiếu-phụ,
sẽ cất tiếng hỏi:

— Thế nào? Nội nhật đêm nay
đây. Tôi đã sắp sẵn cả rồi. Lát
nữa cho hai thằng kia đánh chén
say khướt là...

Thiếu phụ ngắt lời:

— Ồi dà! Còn thế nào gì nữa?
Nhất định tính! Không tính thì
rồi nó cũng thịt mình... Đấy
mình xem! nó day-dứt như vật
thịt em ra, khổ em lắm!

— Ủ! để chúng chén say khướt
cho chúng ngủ trên bực, còn
tôi với mình đành chui xuống
ổ rơm dưới bực nhé!

— Được! miễn là song việc,
cho nó khuất mắt để mình khỏi
lần lút, rứt rứt...

À này! liệu đấy! nó mới đánh
một con giao nhon kia đấy!

— Thế thì phen này tù một
gông... nhưng lát nữa mình đi
xuống điểm nhó dậu ở nhà cho
nó biết đấy nhé!

— Được rồi! để nhần bác Hai
hàng xóm! Thế nào nó cũng mò
xuống... đấy! mấy hôm nay đêm

nào nó chả lén xuống điểm rình
chúng mình là gì?

Từ từ giống một, hai cái bóng
đen trao đổi những tiếng quái ác
nghe mà rùng mình...

Rồi tấm liếp mở rộng, người
thiếu phụ bước ra, đội nón sụp
xuống mặt, rảo bước trên con
đường lờ mờ xa thẳm...



Đêm ấy...

Vào khoảng canh ba, Phan rảo
bước trên con đường đất lầy
chạy dài trong làng.

Hai bên đường, dặng nhần rậm
rap, đen sì đang rì rào sột sạt và
reo lên với mỗi cơn gió thốc qua...

Những thân tre thẳng tắp ở
bờ lũy chồi lên, ngọn cao vọt
rung động như chiếc phất trần
kêch sù, bắt những hạt mưa
nặng trĩu xuống đất.

Thỉnh thoảng, tia chớp sáng
lòe chém sả vào những vừng
mây xa xa, đen lù lù như một
sâu sọ người trơ xương hiện lên
chồng chất nhau trong mảnh trời
âm u, huyền bí.

Phan vẫn giảo bước đi như
có người đằng sau đuổi gắp.

Bỗng chốc, tiếng chim đêm
kêu thê-thảm, ngân dài ra như
sợ cơn giông tố, chẳng khác chi
tiếng hú của phù-thủy gọi hồn...

Phan rùng mình, khép lại tà
áo toí đang lạch bạch theo nhịp
chân chàng bước.

Ở xóm Hạ, Phan bắt đầu đi
từ lúc trời mới đổ mưa to. Cứ
cắm cổ đi, đi mãi, Pha chẳng

để ý tới con đường xa-xăm, tối
mịt, chung quanh không một
bóng đèn lửa gì.

Bỗng, tiếng trống cầm canh ở
xóm Thượng theo chiều gió đưa,
bạt đến...

Tiếng trống như tiếng gọi chàng,
giục chàng mau tiến bước.

Phan chép miệng thở dài, rên rĩ:
— Trời ơi!... trời!...

Đã một tháng nay, dù những
đêm mưa gió. Phan hôm nào
cũng lần mò lên xóm Thượng
và mỗi lần Phan gần đến nơi,
nghe thấy tiếng trống cầm canh
là Phan thở giải, như cảm tức
như giận hờn, vì Phan định ninh
là trong cái điểm kia. vợ Phan
đã làm điều bất chính, đã tình
phụ ruồng rẫy chàng và đã bỏ
rơi hạt máu trên tay: đưa con
chàng mới hơn ba tháng.

Hôm nay, Phan đau đớn lắm.
Vi lúc Phan làm mướn ở nhà ông
Bá trở về túp lều túi tấm phen
đã che kín. Lách mình vào gian
buồng tối tăm, lạnh lẽo, Phan
thấy đứa con đứt ruột còn đỏ
hồn đang nằm cuộn tròn khóc
lặng ở trong chiếc khố tãi rách.

Phan còn đau đớn hơn nữa,
khi thấy bà cụ Hai hàng xóm
bảo chàng:

— « Bác gái đi lên điểm xóm
Thượng từ hồi chiều chẳng biết
có việc gì mà thằng bé đòi đòi
bú, khóc thét lên mấy lần. Rõ
khổ quá! Tôi ru mãi nó cũng
chẳng ngủ, sau phải mớm cho
ngậm nước vối, nó mới nằm
yên được một tý đấy!...

Phan càng ôn lại lời cụ Hai

CHÔNG

hồi chiều, thì Phan lại càng xúc động. Chàng đưa tay gạt ngang nước mắt.

Rồi, lòng nhủ lòng. Phan lăm bằm một mình:

— Thôi, dù vợ ta có ngoại tình, có bắt hủi rẻ rúng ta đi nữa nhưng ta cũng không lòng nào đang tay cầm giao giết vợ. Còn con ta, nếu vợ ta chết, thì lấy ai cho bú mớm, nuôi nấng nó? nỡ nào ta để đứa hài nhi mới ba tháng đã bị cảnh hồ côi, không mẹ!

Rồi Phan nghiêng răng chỉ tay vào cái chấm đỏ trong khoảng tối đen xa xa:

— Được! hôm nay tao gặp mày tao sẽ thí cho mày một nhát, mày lại quen thói đem tiền của để quyến rũ vợ người, để rũ rẻ những đứa khờ dại, cho nó bỏ chồng bỏ con nó à?

Thấy vợ tao là mày mắt la mắt lét, đã lăm lét thì hôm nay ta cho hết lăm lét mà xem...

Hết con đường làng, Phan lội qua cái lạch nhỏ chạy theo sườn đồi. Sang đến gần điểm tuần, lúc ấy chàng tự thấy hết can đảm, trong lòng hồi hộp như người đi ăn trộm.

Phan chẳng phải một tên trộm nhưng, hôm nay chàng tưởng tượng như một tên cướp giết người...

— Liều này! sợ gì thằng nào!

Rồi chàng rút con dao lưỡi sáng loáng mà chàng giắt ở thắt lưng lúc ra đi, phòng đề hộ thân và đề đối phó với đứa tranh cướp người đầu gối tay

ấp của chàng.

Một cơn gió thốc mái lều, một tiếng kéo-kẹt của cụm tre già gần sau điểm cũng đủ làm cho Phan rùng mình, rụt rè, lo ngại...

Chàng rón rén lại gần túp lều, vút áo tơi vào bụi, rồi kiếng chân ghé mắt ròm qua khung chắn song tre trên bức vách.

— Hừ! gớm thật! Cửa sổ hôm nay cũng bịt kín. Rồi Phan áp tai vào vách, lắng nghe...

Tiếng gió rít cũng thưa dần...

Cái lạnh-lùng bí mật của đêm khuya, đêm khuya mưa gió, càng làm cho Phan ngờ vực, trong lòng cảm thấy một việc không hay sắp xảy đến...

Rồi Phan nghe rõ tiếng thềm thì và tiếng động mạnh như người gở mình. Chàng nghe rõ tiếng trượng tuần Bản và tiếng trong trẻo của vợ chàng! con mẹ dĩ Phan.

Tim Phan đập mạnh ruột Phan nóng như lửa đốt. Chàng bèn rón rén lại đứng trước, thu hình sau cái đại, trở mắt nhìn vào... Một cảnh tượng làm cho Phan khí uất đưa lên tận cổ.

Dưới ánh sáng lù-mù của ngọn bắc dầu ta, hai cái đầu đen thò ra manh chiếu.

Không còn nghi ngờ suy nghĩ gì nữa. Phan bấy giờ tâm trí tán loạn như sắp phát điên.

Nhảy sở hai bước vào tới tấm bụi, Phan dơ dao nhè hai cái đầu ấy đâm xuống ba bốn nhát nhanh như cái cắt.

Hai tiếng rú lên rồi lặng hẳn..

Hai cái thây vọt máu rẫy

rua trên tấm ván một.

Phan hả dạ. Nhưng vừa làm xong việc giết người ấy, chàng mới chợt thấy cái nguy hiểm xảy đến. Bấy giờ nếu đề họ bắt được thì đời chàng sẽ là đời tù tội, con chàng sẽ là đứa côi-cút, bơ vơ.

— Nhưng ai biết! Có ma nào trông thấy mình đâu!

Phan lăm bằm rồi quẳng dao xuống đấy, chạy vụt xuống lạch.

Trong lúc chàng lúi húi nhờ ánh sáng những tia chớp nhoáng để gột rửa mặt mũi quần áo với máu thì có tiếng tù òa rúc xa xa...

Cái tiếng quái-ác một lúc một gần nghe như tiếng thúc dục, reo hò đuổi bắt...

Phan hoảng-hốt ù-té bỏ chạy.

Rầm-rầm rộ rộ, một toán bảy tám người cầm sào, gậy, vẫn mãi miết theo sau.

Phan thấy tình thế rất gấp, rất nguy ngập. Chợt ngảnh lại, dưới ánh đèn ló chiếu sáng, Phan thấy người đuổi riết gần tới mình lại chính là Trương tuần Bản.

Phan rú lên, mắt trợn, chân tay run lẩy bẩy. Phan muốn kêu nhưng kêu không ra tiếng nữa. Hồi lâu chàng mới ừ ừ:

— Trời ơi! sao lại vẫn thằng Trương tuần Bản. Tiếp theo tiếng ừ ừ, Phan như một cây chuối bị cơn gió thốc, bật rể, reo mạnh xuống sườn đồi.

X

(Xem tiếp trang 14)

VĂN THƠ

NGŨ TIÊU VẤN ĐÁP

(Thơ dịch trong Thảo-trang thi-tập)

Cha chài thuyền đỗ bẽ đông,
 Chủ tiêu nhà trọ bên trong non đoài :
 Sống nhờ non nước cả hai,
 Đồng tây đường cách mấy mươi dặm trường ;
 Bồng đầu gập gối la nương,
 Đầu trần tóc cùm cũng phùng bờ sớ ;
 Bàn hoàn ngội đến non trưa,
 Cùng nhau thưa hỏi, hỏi thưa mận mà ;
 Một rằng cây cả non xa,
 Ăn người lại có hùm già ở trong ;
 Sao bằng vườn cối thông dong,
 Chẳng lộ chẳng sợ cũng không nhọc nhằn ;
 Một rằng sông có cá thần,
 Lung giời sóng chộn mấy lần cũng ghé ;
 Sao bằng nương trốn Lô hoa,
 Nước uống chẳng có phong ba ngại gì ;
 Biết thời chàng cũng nên ghi,
 Liệu mà gìn trước việc gì ngại sau ;
 Chốn nào yên ổn thời cầu,
 Hễ mà nước cả sông sâu chớ vào,

TIÊN ĐÀM sao lục



CHÙA PHI LAI

Chùa ở huyện Ý-yên tỉnh Nam. Tương truyền khi xưa có một tòa chùa ở đâu bay lại cho nên gọi là chùa Phi Lai. Chùa ở sườn núi đi thuyền ven khe nhỏ tới núi lên chùa. Cảnh chùa này sơn thủy hữu tình biệt thành Nhất hồ thế giới.

Ấy mới kỳ thay, ấy mới tài,
 Tự đâu bay lại hỡi Phi-Lai ?
 Đào-nguyên sẽ đầy thuyền tiên khách,
 Mai - Lĩnh đưa lên chốn Phật đài.
 Xa ngắm chùa như chim Phượng đậu,
 Gần trông khe thấy cá rồng ngồi.
 Phải duyên non nước đã ôm chặt,
 Xin chớ bay đi phu bụng người.

VĂN-TRAI NGUYỄN - TẢO

TỰ CHỨC TỪ CHÀO

Nguyên năm 18 tuổi tôi trúng khóa sinh rồi có nghị bãi thi hương nghỉ học ở nhà, đến năm 21 tuổi ông Thân tôi mất. Từ đó tôi phải chịu một hồi tang trở luôn 10 năm. Đến năm 31 là năm 1928 có nghị đặt Hương sư, làng tôi cử ra sung chức ấy.

Mười năm tang trở ngoài ba mươi.
 Cảnh ngộ như ta cũng nực cười.
 Khóa nước thôi thi đương nhớ bước,
 Thầy làng dạy học đã nên vai.
 Mười đồng lương tháng tiền dân cấp,
 Hai bữa cơm ăn lính vợ bồi.
 Danh lợi chi chi đừng nói tới,
 Gắng công khai hóa giúp đời chơi.

ĐỀ TRƯỞNG HỌC VĂN CHỈ

Năm 1931 chùa bạn làm chay làng xin phép đi trường học sang văn chỉ ở bên đông chùa, thường thấy các nhà cựu học cười tôi đem văn A B C đến chỗ thờ Đức Thánh Khổng mà giảng là bất kính. Vả lại trường ngồi ở đây không được khang trang như ở chùa nên tôi đề thơ này và nghĩ thêm hai câu đối nôm dán vách.

Giới vị nhà nho khéo chuyển văn,
 Chùa rồi nay lại đến đền văn.
 Mùi thiền chữa nếm cho nên nhạt,
 Đạo thánh quen vui hóa phải gần.
 Nương cửa Khổng Nhan khua trống học,
 Mong vườn Hồng-Lạc chóng tin xuân.
 Mặc ai Á, Á chê rằng quích,
 Quốc ngữ đau đời vị quốc dân.

CÂU ĐỐI

- A. — Giáo hóa tuy theo khoa học mới,
 Cung tường càng rạng lẽ văn xưa.
 B. — Đất-phúc khua vang chuông quốc-ngữ,
 Giới-nam mong rạng đức văn-minh.



NAM SONG NGẪU ĐỀ

Sáng dậy ngời Nam song,
 Nhìn xem trời rạng đông.
 Nước non in sắc gấm,
 Hoa cỏ đượm màu hồng.
 Sắn rượu uống vài chén,
 Ôm đàn nẩy mấy cung.
 Tinh tình vui lắm nhĩ,
 Có phúc được thung dung.

TRẦN-HỮU-KHÁNH

BÀI ẤY CÓ CÂU HAY !

Trong bài « Văn-tế con chuột sập bẫy chết » của ông Cử Huỳnh - Bá - Văn, ông Hồi-Chi sao lục đăng trong V. H. số 67, có một câu tôi cho là hay nhất, vui nhất, thú-vị nhất trong bài. Câu ấy là: « Hay là gái mười ba cươ oán, sấm chà-vi rình rập đã lâu ngày ».

Chữ « chà - vi » không biết nguyên chữ nho hay thổ-âm ở Bình-Định là quê-hương của tác-giả, nhưng ông Hồi Chi cắt nghĩa là « đồ bắt chuột » kể cũng xuôi nghĩa.

Nhưng ông cắt nghĩa chữ « gái mười ba » là « cái vật đan bằng tre, để bắt chuột », thì thiết tưởng sai lầm quá.

Câu ấy hay cũng là bởi chữ ấy.

Người nào thuộc nhiều ca. dao cứ tự hỏi :

Tại sao « gái mười ba cươ (1) oán » ?

Chắc tự đáp ngay rằng :

Vì :

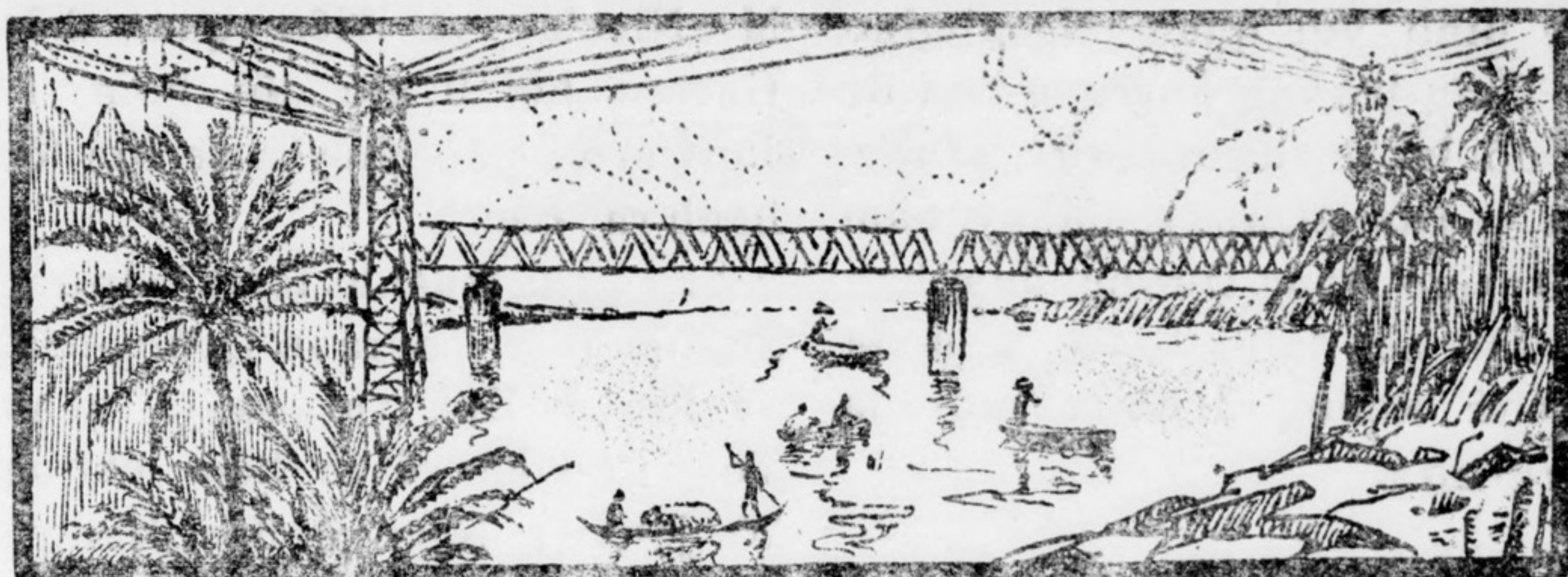
*Con gái mười bảy mười ba,
Đêm nằm với mẹ chuột tha mất...*

Đọc bài văn-tế ấy, chỉ thấy lủng củng những thổ-âm là thổ-âm, tôi chán đã toan bỏ. Chỉ vì thấy câu là lạ, nên xét lại. Xem thể thì ý tứ trong bài văn trọng biết bao !

BÙI-TIẾN-RINH

1) Chữ « cươ » oán là đề bụng oán.

Vì một lẽ riêng, số báo ra ngày thứ bảy 12 Janvier 1935 không xuất bản được. Mong các độc-giả lượng thứ.



TIN TỨC THẾ GIỚI VÀ VIỆC TRONG NƯỚC

Cuộc đấu phiếu ở hạt Sarre

Kết quả cuộc đấu phiếu chính thức ở hạt Sarre như sau này :

Số người có quyền đi bỏ phiếu: 539 543.

Số người đến bầu : 528 704

Số người bỏ phiếu hoan nghênh Đức 477.089.

Số người bỏ phiếu xin giữ chính thể trước 46.613.

Số người bỏ phiếu hoan-nghênh Pháp 2.083.

Số phiếu không hợp lệ 901.

Thế là 86 phần trăm bỏ phiếu thuận cho hạt Sarre về Đức, chỉ có 14% bỏ phiếu xin giữ theo chính thể hiện thời. Đó hạt Sarre đã trở về Đức rồi ! cục diện thế giới có vì thế mà thay đổi không ?

Nội-trị nước Pháp đang rắc-rối dữ lắm.

Tình hình nội-trị của nước Pháp càng ngày càng thấy rắc-rối. Các hội đảng ái-quốc đã khởi sự công kích thủ tướng Flandin kịch-liệt.

Họ bình ông Doumergne và hiệu triệu hết thảy các người Pháp phải đứng dậy vì quê hương đã đến lúc nguy khốn rồi.

Có nhiều vị quan võ lưu hậu nhất định không giao súng của mình giữ cho nhà chuyên trách.

Khắp trong các đô thành lớn đều có biểu tình luôn luôn không dứt để phản đối chánh sách của thủ tướng Flandin.

Họ đã bỏ thăm quyết nghị phải theo chánh-sách ông Doumergue.

Đang thời-kỳ quốc-nạn không mừng năm mới

Ngày tết nguyên-đán vừa rồi, chính phủ Quốc-dân ở Nam-kinh có hạ lệnh cho các cơ-quan đang trong thời quốc nạn đình cuộc mừng năm mới.

Chánh phủ Mãn-châu đuổi dân Tàu đi cho Nhật đi dân đến

Theo kế hoạch di dân đã định, chánh-phủ Nhật vừa rồi yêu cầu chánh-phủ Mãn-châu nhường hẳn đất năm huyện làm khu vực di dân của người Nhật. Chánh-phủ Mãn-châu đã phải thừa nhận và hạ lệnh cho nông dân 5 huyện đó phải rời đi nơi khác ngay.

Thuế gạo Đông-Dương bán ở xứ Tàu sẽ hạ hơn trước

Có tin rằng ông Wilden Thượng-sứ Pháp ở Nam-kinh đã

điều đình với quan Ngoại-giao bộ Tổng-trưởng ở Trung hoa để sửa đổi lại tờ thương-uớc Trung-Hoa và Đông-Dương đã ký năm 1930. Gạo Đông-Dương đem bán tại Tàu sẽ đảna thuế 1 đô-la 60 chứ không 2 đô-la một tạ như trước.

Ở Huế sắp lập một tòa Thượng Thẩm Nam-án

Hiện nay bộ Tư-pháp Trung-kỳ do quan Thượng-thư Bùi-bằng-Đoàn đứng đầu là một bộ nhiều việc hơn cả, vì phải phúc lại tất cả các bản án ở các tỉnh gửi về.

Vừa có tin rằng ở Huế đã dự định lập một tòa Thượng-thẩm Nam-án giống như tòa Thượng-thẩm phòng nhì ở Hanoi. Tòa Thượng-thẩm sẽ chọn các vị quan to và các nhà thạo pháp luật người Nam sung làm quan tòa coi về việc phúc lại các vụ trọng án và khinh án mà các tòa đệ nhị cấp các tỉnh đã xét một lần rồi.

Tại tòa Thượng-thẩm Nam-án sắp lập này, sẽ họp thành phiên tòa, các bị cáo nhân được đem ra hỏi và được phép tự cãi lấy trước mặt các quan tòa như trước mặt các tòa án Tây vậy. Các phiên tòa này sẽ do một quan chánh án chủ tọa và hai viên bồi-thẩm giúp việc.

Việc lập tòa Thượng-thẩm ở Huế có lẽ sau khi quan cố vấn bộ tư pháp là M. Collet trở lại Huế bàn định xong rồi trong khoảng năm 1935 sẽ cho thi hành.

Quan Toàn quyền Robin đã khởi hành ra Bắc

Quan Toàn-quyền Robin cùng với quan Đồng-ly văn-phòng M. Prevost, viên thư ký riêng là

M. Nicolai và viên quan hầu Gaetan hồi 9 giờ tối hôm 14 Janvier đã đáp chuyến xe lửa tốc hành ra Bắc.

Sau khi khánh thành đường xe lửa mới Tourane Quảng-ngãi và lưu ở Huế vài ngày, quan Toàn-quyền sẽ ra Bắc, chừng 20 janvier Ngài sẽ đến Hanoi.

Báo Lao-tù ở trong khám đường Hanoi do ai viết ra?

Mới đây nhà chức trách có khám phá được một chi bộ hội kín tại nhà pha (Hanoi) do các chính trị phạm bị giam trong ấy lập ra, gọi là « Lao-tù hội », lại có một tạp-chí làm cơ-quan truyền bá cho hội nữa. Tạp-chí khổ nhỏ viết bằng quốc-ngữ mà viết tay, chữ nhỏ lắm.

Không nói tất ai cũng có thể đoán được rằng trong tạp chí này không thể không có những bài khiêu khích nhân tâm, nhưng ai là người viết ra những bài ấy thì hiện nay nhà chức trách vẫn chưa tra ra.

Có điều người ta phải lấy làm lạ là việc canh gác ở trong khám đường nghiêm mật là thế, mà sao các tù nhân còn giấu giếm với nhau làm thành tạp-chí.

Hiện nay sở mật-thám một mặt cho truy cứu xem người nào viết tạp-chí ấy, một mặt cho dịch những bài trong tạp-chí ra Pháp-văn để đệ trình quan Thống-sứ định đoạt.

Ông kiểm-học Phạm-văn-Thư bị giáng chức

Việc ông kiểm học Phạm văn-Thư ăn hối lộ của một ông giáo ở Haidương, chúng tôi đã có nói đến ngay khi xảy ra việc « dơ dáy » này. Việc tra cứu của nhà chức trách đã xong.

hội đồng được cử ra để xét việc này [đã họp và đã đệ lên quan Thống-Sứ một bản trình. Nay có tin ông Thư phải giáng một bậc vừa phải đổi đi dạy học tại Hòa-Bình.

GÁI GIẾT CHỒNG

(Tiếp theo trang 11)

Sáng hôm sau.

Trời đã hừng nắng. Bớt mưa, bớt gió. Đàn chim trong tổ đã riu-rít gọi nhau ra ca-hát mừng một ngày khô ráo.

Cảnh vật vô tình như đã quên hết cả mọi việc vừa xảy ra hôm trước: những cuộc hẹn hò trong xó tối của đôi gian-phu dâm-phụ, những việc giết người trong canh khuya mưa gió, rồi tiếp đến những việc khám xét gông cùm làm náo động cả một khu làng mạc bình-tĩnh, yên lặng.

Trên con đường làng xuống huyện, bốn người lính bỗng sừng lười lê sáng nhoáng, và một bọn dân làng áp giải một tên cướp can tội giết hai người tuần đinh ở điểm xóm Thượng.

Không một lời than vãn, kêu ca, hay oán hận, tội nhân bị xích tay và chói giắt cánh khuyên cứ ngửa mặt nhìn trời đi, mặc cho những ngọn roi mả cuốn cong của tên Trương Bản thỉnh thoảng lại vun vút vào mình.

Qua cổng làng, tên trọng tội bỗng đứng dừng lại. Nước mắt ràn rụa, nó ngơ ngác nhìn một người đàn bà bế đứa con thơ đứng lẳng lặng ở xó cổng.

Nó nấc lên khi nghe tiếng đứa trẻ khóc lạng trong lòng thiếu-phụ và tiếng thiếu phụ rủa rới nó:

— Mày lại đồ tiếng cho bà à? Phen này thì mày chỉ ngồi rủ tù và nói giống mày bà sẽ bóp chết nốt.

TRẦN - KIM

DỊCH THƠ NGOẠI-QUỐC

NÊN NHƯ THẾ NÀO ?

Thơ ngoại-quốc bao nhiêu là bài rất hay ; bà con ta ai không biết chữ ngoại quốc, không được thưởng thức cũng khá tiếc vô cùng. Vậy hẳn phải phiên-dịch những bài ấy ra quốc âm. Nhưng dịch thế nào thì hơn ?

Tôi xin dẫn hai bài làm thí dụ :

1.) Bài « Phù-dung lâu tống Tân-tiệm ».

(Tiễn bạn Tân-tiệm tại lầu Phù dung) của Vương-xương-Linh.

Trước khi viết bài ấy ra, tôi bấy thuật đại-ý đã. Vương-xương-Linh làm quan có lỗi bị đày vào đất Ngô, gặp Tân-Tiệm đi về Lạc-dương. Lúc tiễn biệt, Xương-Linh đọc thơ, đại ý rằng : tôi vừa đi đêm đến đây bị mưa rét, bác thì phải đi sớm hãy còn mù mịt sương, thực là khổ sở. Nếu bạn bè ở Lạc Dương có hỏi tôi thế nào, thì xin bác bảo cho rằng : lòng tôi bây giờ như phiến băng trong trẻo chứa trong bình ngọc, không cần đọc về ý muốn làm quan nữa.

Bài thơ ấy như thế này :

HÀN VŨ LIÊN GIANG DẠ NHẬP NGÔ,
BÌNH MINH TỔNG KHÁCH SỞ SƠN CÔ,
LẠC DƯƠNG THÂN HỮU NHƯ TƯƠNG VẤN,
NHẤT PHIẾN BĂNG TÂM TẠI NGỌC HỒ.

Bài thơ ấy nghĩa đen như thế này : Mưa rét liền sông, đêm vào đất Ngô ; sáng sớm tiễn khách, núi Sở đứng chơi với một mình. Bạn thân ở Lạc-dương nếu có hỏi nhau. — Một phiến lòng băng ở bình ngọc.

Bài thơ ấy, chỉ sơ-lược có thể mà thôi, nhưng đối với hai người đã mục-kích cảnh vật và đã thổ lộ can tràng cùng nhau, thì nó như là mấy cái gạch bút rất sắc, dấu lâu năm về sau, hơi ngỡ tới là các cảnh vật cũ và tình tứ xưa ắt vụt hiện hiện ngay ra trước mắt và trong tâm.

Nhưng dịch cũng như thế thì đối với bà con sau này, vì phải xem chú giải nhiều quá, ắt

cũng mất hứng thú đi nhiều. Vậy khi dịch ta nên bỏ vào chỗ khuyết.

Khi dịch ta lại nên trước những « *nêm* » hoặc « *đệm* » mà nhà thi-sĩ cốt dùng để cho đủ âm cước (pied) thôi, chứ không ích gì cho nghĩa của câu thơ cả. Như trong câu :

Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô, thì chữ « liên giang » là « liên sông » chỉ là chữ thừa vô ích.

Ta lại nên sửa đổi lại những chữ ép gượng, như chữ « Sở sơn cô ». Tại sao cô ? Đất Sở nguyên nhiều núi, hai người ra đi từ sáng sớm thì giới đất hãy còn mù mịt, đi gần quả núi nào thì chỉ trông thấy quả núi ấy thôi, còn những núi xa không rõ. Nếu trong khi dịch không nói được dài ròng như thế, thì bà con ta không hiểu ngay được, còn gì là hứng thú nữa ? Ta cứ nói : « Mịt mù » hoặc những chữ khác thuộc về buổi sáng như thế là xong. Chắc rằng trong lúc chiếu rọi gần tàn, bài thơ này ứng khẩu đọc luôn ra thì phải.

Quan hệ nhất là câu sau cùng :

NHẤT PHIẾN BĂNG TÂM TẠI NGỌC HỒ.

phải nên dịch rất cần thận.

Tôi thử dịch bài thơ ấy như thế này :

Đêm mưa gió rét phải đây xa,
Gặp khách mờ sương đã lại nhà.
« Một phiến lòng băng trong lọ ngọc »,
Bạn bè ai hỏi bảo giùm ta.

X

2.) Một đoạn trích trong bài « *Le boulanger* » (người làm bánh tây) của Jean Sicard.

— N'as-tu pas chaud, boulanger ?

— Si, mais pour m'encourager.

La chaleur dore ma pâte,

Que je retire à grande hâte.

Nghĩa đen : không nóng à, anh thợ làm bánh tây ? — Có chứ, nhưng mà cho được khuyến khích tôi, cái khí nóng làm cho vàng bột của tôi mà tôi kéo ra rất hăm hở.

Trước khi dịch ta nên tế-nhân từng chữ.

Trong «tuyệt» (vers) thứ nhất, chữ nào cũng tốt cả.

«Tuyệt» thứ hai thì chữ «pour m'encourager» nếu bỏ đi cũng không hại nghĩa.

Trong «tuyệt» thứ ba, chữ «la chaleur» cốt dùng cho được ba âm-cước (pied), chữ không bằng chữ «le feu» (lửa) cụ thể (concret) hơn; — chữ «dore» rất hay, vừa tô điểm được sắc bánh, vừa gồm có nghĩa «làm cho chín», hơn chữ «cuit» chỉ có nghĩa «làm cho chín» thôi, mà lại được hai âm cước, chữ chữ «cuit» chỉ có một âm cước thôi; nếu dùng «se dore» lại có thể bớt được chữ «chaleur» đi, vì trên đã có chữ «chaud» rồi; — chữ «ma pâte» cũng rất hay hơn chữ «mon pain» (bánh tây của tôi), trước hết vì có «nữ vận» (rime féminine) cần phải có dưới «nam vận» (rime masculine), sau nữa vì theo một lối văn nhà thơ rất hay dùng là lối «cá phân đại toàn thể» (une partie pour le tout: synecdoque).

Còn «tuyệt» thứ tư thì thiết tưởng không cần, vì nướng bánh tây cũng như hơ chả, luộc giò, rán cá...vừa chín tới là người ta điếm-nhiên lấy ra cũng như làm muôn việc khác, có đâu phải «rất hăm hở». Chẳng qua dùng chữ «bâte» cốt để cho vận với chữ «pâte» trên, lại quá nữa là chữ «grande» nữa cốt để cho đủ âm-cước.

Tôi thử dịch đoạn thơ ấy như thế này:

Hỡi chàng làm bánh tây ơi,
Chàng không thấy nóng như xôi nấu à?
— Tôi không sợ nóng đâu mà,
Bánh tôi vàng rộm cả nhà ăn no.

X

Mới rồi bạn Nguyễn-đức-Bảo dịch thơ tây có câu: *Cành nho mơn mớn biết bao?*

Được sương ngày hạ, máy nào ép non?

Câu ấy được lắm. Nhưng ý tôi thì chữ «máy ép...» nguyên dịch chữ «pressoir», đối với người có tây-học thì không sao, nhưng đối với phần đông bình-dân, có điều lạ tai, phải cắt nghĩa lời thôi; ta nên đổi quách là «tay.. ngắt», không hại gì. Câu trên thành ra:

*Cành nho mơn mớn biết bao?
Được xuân mùa hạ tay nào ngắt non.*

Xin đổi cả chữ «ngày» làm chữ «mùa» ngày làm gì có sương?

...

Do những thí-dụ trên tôi xin lập cái quy-lắc này:

Khi ta dịch thơ ngoại-quốc ra thơ quốc-âm, thì nên đọc kỹ bài thơ để tế-nhân từng chữ, chữ nào hay ta đánh dấu lấy để cố dịch cho ra, chữ nào là chữ «nêm» hoặc «đệm» cho đủ âm-cước thì ta nên san-tước đi, chữ nào dùng ép thì nên nghĩ đến chữ đúng và hay hơn mà nó bắt đặc dĩ phải thay. Những tên đất hoặc người vật và những nơi điển-tích xa xôi quá, nếu không cần lắm thì ta cũng nên bớt đi hoặc dịch ra cho rõ. Trong khi dịch thơ, lắm khi cũng phải dùng chữ «nêm», chữ «đệm», nhưng đừng dùng nhiều quá sợ rườm lời, và đừng dùng những chữ xa xôi quá, sợ hại ý bài thơ.

Cần nhất là dùng những chữ giản dị, thiên-cận, làm thế nào cho được rất rõ ràng, mà người chưa được đọc nguyên văn bao giờ, đọc đến văn dịch không ngắc ngứ chỗ nào, lại cảm động ngay, cảm động như đọc nguyên văn hoặc hơn đọc nguyên văn nữa.

Ấy trong phép dịch thơ, ngoài những phép dịch thơ thường ra, lại còn thêm mấy điều ấy nữa, thiết tưởng cũng quan hệ.

Nói tóm lại, dịch thơ ngoại quốc ra thơ quốc âm, tức là làm thơ theo cái «phải», cái «hay» của mình để cho người đồng bang mình xem, nhưng dùng «yên-sĩ phi lý thuần» của người dị chủng.

BUI-TIẾN-RINH

SỐ BÁO NÀY CÓ

Phụ trương hàng tháng về thê giới ngữ (Esperanto) số 3

biểu các độc-glả mua năm đã trả tiền rồi

Bán lẻ mỗi số 5 xu

BƯỚC ĐƯỜNG ĐI MỸ

(Tiếp theo số trước)

Về tới phòng, đôi phen nằm nghĩ vẩn vơ về cuộc tiếp kiến vừa qua, chúng tôi nhận ra rằng cái cách lịch thiệp và cái nhã độ của người Pháp thật là đáng kính. Đường đường một ông quan thanh tra thuộc địa mà tiếp kiến mấy nhà buôn dưới quyền bảo hộ thân mật, âu yếm, ân cần chẳng khác người bạn chí thân. Giá có vào địa vị một vài ông An-nam nhà mình mà cũng đứng vào chức ấy, thì thế nào khỏi được cái khệnh khạng, lên mặt xuống tay.

Từ đấy trở đi, ông bà Ferré ở trên hạng nhất bình như cũng buồn thì phải, vì chung quanh toàn là người Mỹ nên thường thường vẫn mời chúng tôi lên truyện vãn cho vui. Có khi ông nói chuyện với chúng tôi rằng : « Thật người Mỹ hay có tính cách kiêu căng rởm, ra điều ta đây kể giờ, là dân một cường quốc, vì họ vẫn tự phụ nước Hoa-kỳ là phú cường nhất thế giới ».

Thấm thoát trong bốn ngày, ba đêm, chiếc tàu Président Coolidge đã đưa chúng tôi từ Hong-Kong tới Thượng-Hải. Bấy lâu nay vẫn được nghe nói Thượng-Hải là một hải cảng có tiếng trong thế giới. Thì quả vậy, danh chẳng hư truyền. Tàu bễ lớn, nhỏ đủ các hiệu cờ các nước đồ san sát như lá tre. Theo con mắt nhà buôn, khi tới bến thường hay chú ý đến mọi việc

có liên can tới sự buôn bán và kỹ nghệ, ngay ở bến Thượng-Hải, chúng tôi thấy họ dùng chaloupe chở rất nhiều bi bạc và quăng lên chiếc tàu đi Mỹ. Nhân tàu còn bỏ neo ở đó 1 ngày, chúng tôi có thì giờ xuống bộ xem qua phong cảnh Thượng-Hải. Ở đây có đủ các tô giới của các cường quốc. Nhưng thực ra cũng chẳng có chi là lạ, nên chúng tôi cũng chỉ dạo xem qua. Duy bấy lâu nay vẫn nghe tiếng Ngô-Tùng có một pháo đài rất kiên cố và là một nơi đặc điểm của quân sự Trung-Hoa, ấy thế mà vừa rồi cũng bị quân Nhật lập mưu chiếm mất. Cái tên này đã làm náo động cả thế giới.

Vì thế mà chúng tôi có ý tò mò đáp ô tô đến xem, cùng những nơi đã bị quân Nhật tàn phá ở quanh vùng đó. Đứng trước những cái cảnh tiêu điều ghê sợ ấy mới càng rõ rằng ông thần chiến tranh thực đã có cái thủ đoạn tàn ác gớm ghê ! Vì ông mà bấy lâu nay đã làm tan nát biết bao nhiêu nhà, nhiều nước, chia rẽ biết bao nhiêu gia đình ! Không trách được các nhà ngoại giao, các nước vẫn phải kéo gân cổ ra mà gào hòa bình cùng tài giảm binh bị !

Chúng tôi thuê xe đi xem các phố. Nhà cửa rất khang trang, việc buôn bán cũng có bề sầm uất. Trên con đường giải nhựa rộng rãi, thênh thang, suốt ngày

đêm lấp nập nào xe ô-tô, nào xe tay, nào xe điện. Có một điều là xe điện ở đây không có đường sắt, vì bánh xe toàn bằng cao-su, y như bánh ô-tô. Các xe tay như Hà-thành ta cũng nhiều nhưng cu-ly phần nhiều rất hỗn láo và du-côn. Chúng thường dùng cái thủ đoạn bắt chẹt các hành khách, nhất là đàn bà con gái, hoặc khách bộ hành ngoại quốc. Những việc canh phòng ở đây cũng có bề nghiêm ngặt và các cảnh binh người nào cũng đều có vẻ oai nghiêm và lực lưỡng, họ thường phải đem thủ đoạn tàn ác mà trừng trị. Nếu không thì có lẽ chúng làm nguy cũng nên, nhất là những chú rết cổ thâm môi.

Quái lạ ! Hong-Kong, Thượng-Hải đều có tiếng là những nơi phồn hoa, đô hội, ấy thế mà cũng hiện ra cái quang cảnh khiến cho khách bàng quan trông thấy mà phải rất minh lo sợ cho bước đường thương mại. Vì rằng khắp cả Thượng-Hải và Hong-Kong thường trông thấy nhan nhản treo những biển đồ sộ có 3 chữ to tướng : « Đại giảm giá » đủ tỏ ra rằng làn sóng khủng hoảng nó đã lan khắp trên mặt địa cầu vậy. Tuy thế mặc dầu các hiệu buôn bán vẫn sồn sào, kể tới người lui, tấp nập. Ngoài những người mua kẻ bán, lại thấy nhan nhản những ả mày ngài mắt phượng má phấn môi son, cứ lũ năm,

lũ bầy, xen lẫn đám đông để tìm hoa ghẹo nguyệt. Nhưng thực cũng đáng khen thay con mắt tinh đời của họ, là họ hay chú ý đến khách tha phương ngoại quốc. Dầu chúng tôi đều bận âu-phục cả, tưởng cũng nhàm màu vàng như những chú con Trôi, thế mà họ cũng phân biệt ra được; rồi cứ lần lượt hết cặp mắt này đến cặp mắt khác, liếc đưa loang loáng như là điện để tiêu người. Cũng có cô sở sàng hơn nữa là sản đến tận trước mặt chúng tôi, cười cợt mà hỏi chúng tôi: « Sênh sáng hi pin si? » (Tiên sinh đi chơi đâu đấy?) Chúng tôi trả lời: « Ngộ hằng cái ». Thờì họ lại nói: « Lấy cô ngộ phòng ngộ công bấu nhẽ » (lại chơi đặng nhà tôi, tôi bấu cái này). La lùng dắt khách quê người lại không có thờ quan, ai mà dám đột ngột e lỡ sẩy ra chuyện gì thì sao. Hỏi ra mới biết những cô này là những bọn hồng lâu, hoặc thanh lâu. Mà phần nhiều là những gái Tô-châu tới đó kiếm ăn, nên nhiều người có nhan sắc như vậy. Chúng tôi nghĩ bụng rằng đời cạnh tranh lại gặp cơn kinh tế khủng hoảng nên chị em phải mang mỗi hàng đi bán rong đó hẳn.

Con tàu lại từ Thượng - Hải đi Kobe mất ba ngày, ba đêm. Kobe là một hải cảng to của nước Nhật - Bản, nên suốt dọc bến, các tàu bè đậu san sát. Phong cảnh Kobe rất đẹp vì trước mặt là biển mà sau lưng là núi. Trông lắm nơi sơn thủy hữu tình, coi chẳng khác chi những bức từ bình do tay nhà danh họa vẽ. Cảnh buôn bán rất là sầm uất, không hề thấy tỏ ra vẻ khủng hoảng như các nơi. Đường xá rất sạch sẽ, rộng rãi.

Các nhà cửa tuy có nhiều tầng nhưng đều có vẻ thấp bé, thực là hợp với giống người lùn! Những nhà ấy phần nhiều là nhà sâu cả. Mà dù giàu hay nghèo, nhà nào cũng đều trang hoàng một cách đơn sơ chứ không rườm rà, lộng lẫy như những nhà phú quý của người Tàu, người ta hay người Âu-Mỹ. Còn như các dinh thự và công sở thì đều có vẻ đồ sộ, đủ tỏ ra cái khí phách cương quyết của dân Nhật vậy. Chúng tôi có đi qua một cái chợ trông như từng giầy phố buôn bán rất là sầm uất. Trong chợ bán đủ các mặt hàng bản xứ, còn hàng Âu-Mỹ thì rất ít. Có cả cửa hàng bán các cây cảnh; nghề uốn cây của người Nhật xem ra cực kỳ đẹp và rất là tỉ mỉ. Tuy vậy, giá bán cũng chẳng bao nhiêu. Trong cách vận tải, ngoài những xe ô-lô, xe điện, xe ngựa ra, người Nhật cũng còn dùng nhiều xe kéo như ta. Chúng tôi lại lạc bước tới một phố rất to, rất giàu mà toàn những nhà ăn chơi cả. Ta có thể gọi là xóm khoái lạc được. Trong phố này, nào nhà chớp bóng, nào rạp hát tuồng, nào rạp xiếc, nào cao lâu tửu quán, nào nhà chị em hồng phấn, vân, vân... Xuất ngay đêm, những nhà này đều hiện ra cái vẻ rực rỡ sán lạn, vì nhà nào ngoài cửa cũng đều đăng đèn, kết thề cả. Trước hết chúng tôi vào ăn trong một Hôtel. Trời ơi! sao mà rẻ dữ vậy! Cứ như giá ở bên ta, thì mỗi người chỉ phải trả có 0\$45 mà có thể ví với châu rượu hàng mấy chục được (theo như giá tiền ta thì mỗi đồng bạc đáng giá 2 yens (2 tiền Nhật)).

Mới vào tới cửa, đã có mấy cô gái ước chừng 17, 18 cái

xuân xanh, mặt hoa da phấn khép nép cúi chào: « Con ni chi hoa » ra vẻ cung kính lễ phép lắm. Rồi dỡ mũ áo sau khi đưa sổ cho chúng tôi; rồi mời lên thang rút (ascenseur). Trong thang rút ngồi bấm máy cũng một cô thiếu nữ. Lên đến buồng ăn rất là lịch sự, lại hàng chục cô thiếu nữ khác ra chào mời ăn cần, nào bưng món ăn thật là ngon lành, nhưng hiềm một nỗi món nào cũng hơi lợ ngọt, nào là mời rượu, mà rượu thì hâm nóng đựng trong bình bằng sành để trên chiếc đĩa gỗ. Cô nào cô ấy coi bộ yêu kiều khép nép một cách rất là lễ phép, dù cái bàn tay vô tình của khách say rượu no có lẽ... thờì họ cũng chẳng giám dơ tay gạt đỡ làm bộ hão như những chị em ở xóm Kinh trời của ta, nhưng họ chỉ nhướn một nụ cười, rồi đưa cặp mắt một mí ra bộ ngây thơ làm cho khách phải siêng siêng tấm lòng. Mỗi khi cần dùng gì toan muốn gọi thì đã thấy các cô tiêng thanh lanh lảnh: hai y y y! ha y y y! nghe rất êm ái ngoạn ngoạn đáng yêu rồi vội vàng chạy đến. Khi ăn uống đã no say rồi và vui đùa đã thỏa, trả tiền rồi còn có ít nhiều tiền lẻ mà đưa tặng cho họ để làm tiền hoa hồng thờì họ cũng phải khép nép từ chối mà không dám nhận, hẳn là chủ hiệu đã có lệnh cấm đó chẳng! Cách ăn uống sạch sẽ ngon lành, cách tiếp đãi ân cần chiều chuộng, tiền nong lại chẳng là bao, mà còn tặng thêm mỗi người một chiếc mùi soa để làm kỷ niệm, hỏi như thế ai nữ quên được cửa hàng mà đi nơi khác?

Thế là chúng tôi ở Kobe một

ngày. Ngoài những sự ăn chơi ra, chúng tôi còn có ý xem xét về công nghệ của người Nhật nữa. Thì quả như điều chúng tôi tưởng tượng từ trước khi tới đây, công nghệ của họ có tỉ mỉ, có khéo thật, nhưng chóng hư hỏng, chúng tôi phê cho 2 chữ: «*Điều sảo*» thì thật đúng.

Rồi lại từ già Kobé đáp tàu đi Yokohama giòng đã ba ngày đêm. Xuất giọc đường, chúng tôi đứng trên tàu ngó ra, đều thấy nhan nhản trên mặt bể những tàu chiến và tàu buôn có hiệu cờ nước Nhật. Đủ biết rằng cái thế lực của dân Lùn trên mặt bể cũng hùng tráng lắm thay, Yokohama cũng là một hải cảng to. Về cách sinh hoạt, sầm uất có bề hơn Kobé. Còn về phong cảnh mỹ lệ thì có phần kém. Phần nhiều các nhà đều là nhà sàn. Các công sở cũng đồ sộ, các đường sá cũng sạch sẽ. Trên đường xe ô tô, xe điện, xe tay cũng tấp nập suốt ngày đêm. Trên đường bộ, chúng tôi đáp ô tô đi Tokio chơi. Tokio tức là thủ phủ, là kinh đô của nước Nhật. Từ Yokohama đi Tokio có 3 đường: 1) đường ngầm đi xe lửa; 2) đường xe điện đi trên cầu; 3) đường ô tô đi trên đường cái quan. Vì chúng tôi muốn ngắm phong cảnh cho được kỹ càng nên đáp ô tô trên đường cái quan. Và xuất con đường này tức là một giấy phố giải, giải chừng 30 cây số nối liền Yokohama với Tokio. Xuất hai bên giấy phố, ngoài những mái nhà liền nhau như bát úp, chúng tôi còn trông thấy lờm chờm chọc lên trời, những ống khói cao vút. Những ống khói ấy suốt ngày đêm nhả khói ra đen ngịt một bầu trời. Cũ cái quang cảnh ấy cũng đã rõ

cái đời máy móc và công nghệ của dân Lùn thịnh đạt tới nhường nào rồi vậy.

Mới đặt chân xuống đất Tokio cũng đã thấy ngay cái cảnh nào nhiệt tấp nập ngựa xe làm cho ai cũng phải nhận thấy có cái khí tượng đế vương vậy. Nhà cửa trong các phố sá thì liền nhau san sát, mà có vẻ khang trang đẹp đẽ hơn cả mấy tỉnh vừa qua. Các đường sá rộng rãi, sạch sẽ, xe cộ qua lại tấp nập suốt ngày. Có một điều đáng cho ta chú ý và cũng là một mảnh gương sáng cho ta là hầu hết những dân Nhật trong mấy tỉnh nhỏ chúng tôi vừa qua đây, dù là hạng giàu sang hay nghèo hèn, chúng tôi nhận thấy bộ đều ăn bận bằng vải lụa nội hóa, chứ không hề thấy mấy người dùng đồ ngoại quốc cả. Riêng một cái đó hàng năm họ đã làm cho tài nguyên trong nước rồi rào thêm ra biết bao nhiêu rồi; và cũng là việc bảo tồn quốc túy nữa. Như thế mới thực là chân tâm ái quốc. Mà trong khắp thấy các giống người trên thế giới, duy có gương người Phù Tang là bao giờ cũng vẫn giữ được vẹn cái tấm lòng vàng ấy. Không những thế, ăn chơi thì rẻ rúng xuềnh xoàng tính nết xiềng năng cần mẫn, máy móc lại tinh vi, chẳng trách mà giống người Phù có thể đem các hóa sản ra tranh cạnh khắp các thị trường thế giới. Xuất trong nước họ, việc buôn bán và công nghệ bao giờ cũng phồn thịnh. Ngay như ít lâu nay con ma khủng hoảng đương ra oai, khuấy rối khắp mặt địa cầu, ấy thế mà hình như giống người Lùn không thấy chi là nao núng cả.

Chúng tôi thuê xe qua xem các cung điện và lăng tẩm của

nhà vua. Cái vẻ đồ sộ, lộng lẫy và uy nghi, đã đành rằng không phải nói; nhưng xét ra cái lối kiến trúc thì bán cổ bán kim mà có pha màu Âu - Mỹ. Các cung điện cũng nhiều, phong cảnh y như vẽ trong tranh vậy. Ngay ở đất đế đô này cũng như các nơi khác, các tư gia giàu tới bậc nào, cách trần thiết trong nhà cũng đều rất sơ sài.

Được chơi ở đây một ngày, chúng tôi luôn luôn đi trông ngắm mọi nơi mà không hề mỏi mắt. Giọc đường chúng tôi đi qua một ngôi chùa ở bên sườn núi, thấy phong cảnh thanh u và sự nhớ ra phần nhiều người Nhật cũng theo Phật giáo như mình. Chúng tôi vội dừng xe lại, cũng vào văn cảnh. Lên chùa cũng phải chèo qua nhiều bậc đá như khi lên đền Hùng-Vương mình. Ngay bên ngoài chùa có một pho tượng đồng đen sây lên cái kệ và một chiếc bia đề ba chữ «*Phạm Sơn Thân*». Khi ở cửa mới bước lên có một cái miếu nhỏ, cũng như miếu thờ bà cô của ta. Trong miếu treo một vài đôi giày rơm, vài ba thếp tàu vàng giấy trắng. Có cũng có vẽ grê gớm linh thiêng g. Vào tới chùa, chúng tôi xét ra sự kiến trúc và các pho tượng Nhật cũng đại loại của Ta và Tàu song có vẻ hùng tráng hơn. Trong một gian chùa có thấy treo một quả nhạc bằng đồng to bằng chiếc thùng và có buộc một chiếc giây lụa kết thành bím

(Còn nữa)

PHẠM - CHÂN - HUNG



MỘT QUYỀN SÁCH
RẤT CẦN, NHÀ
NÀO CŨNG
PHẢI CÓ

Cử-nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn. Có cả các bài văn
khẩn và khoản thức biên
gia phả. Lại có in sẵn
nhiều trang để người nào
có quyền này chỉ việc điền
gia phả của nhà mình
vào. dày gần 60 trang
Giá 0\$15 - cước 0\$03.



GIA LỄ
GIẢN
YẾU

要簡禮家

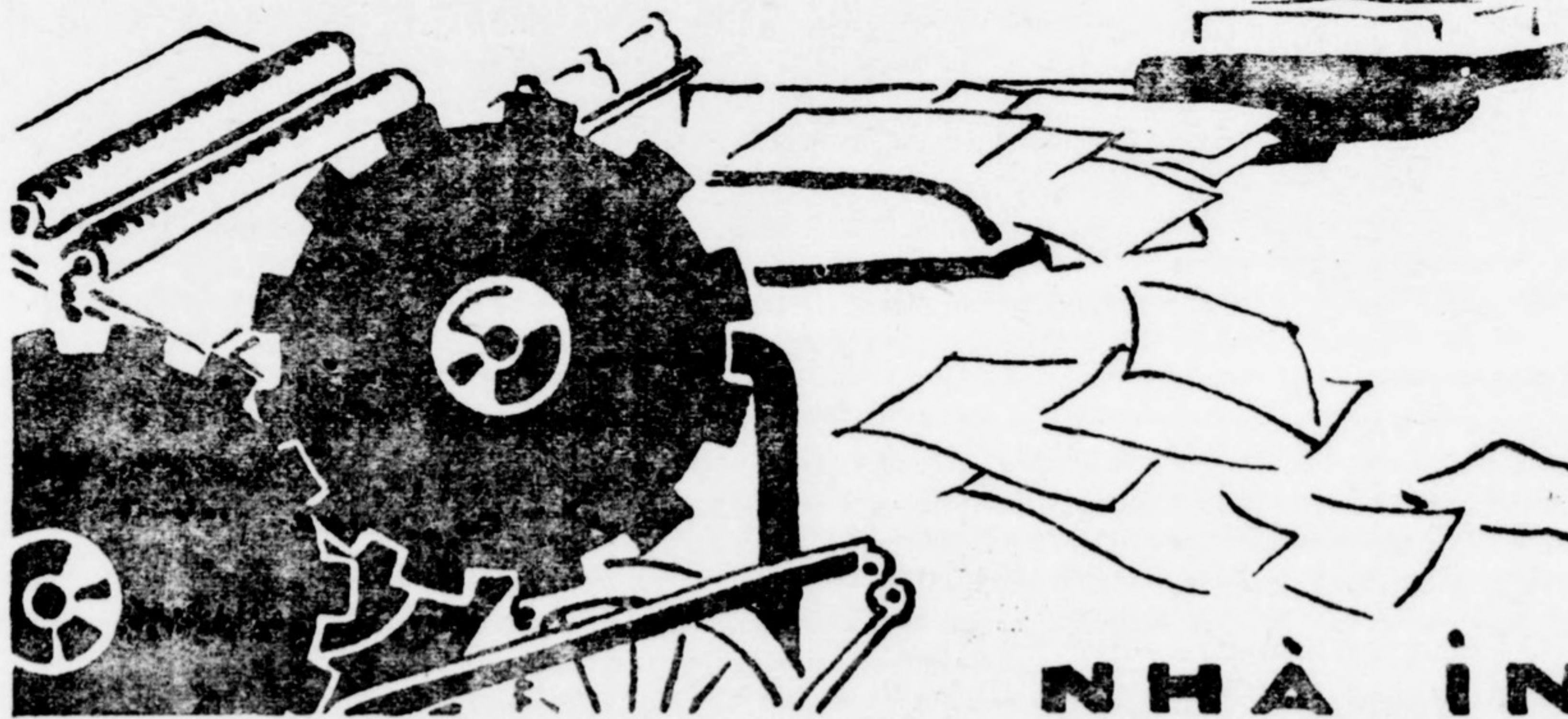
Gửi cho Đông-Tây ấn-quán, 193, phố hàng Bông, Hanoi

THIỆU NIÊN TẮT ĐỘC

CỦA ÔNG GIÁO TRINH ĐÌNH XUYỀN SOẠN

Một bộ chuyện vui, góp nhặt cổ
kim đông tây các chuyện đủ gây
cho bạn thiếu niên những tính
cách chính trực, nhân nại, dũng
cảm, hào hiệp và có độ lượng.

Gồm có 2 quyền nhất và nhì, dưới mỗi quyền đều có
phụ thêm mục « **Ang lê học lấy** (l'Anglais sans maître)
rất tốt - Cả bộ trước bán 0\$30 nay bán nửa tiền 0\$15 tại
Đông Tây ấn quán, 193, hàng Bông, Hanoi (gửi bằng timb res
cũng được) nhớ thêm tiền cước thường là 0\$06



NHÀ IN
ĐÔNG - TÂY

193, PHỐ HÀNG BÔNG, 193
HANOI

NHAN IN ĐU CÁC THƯ

Sách học, tiểu thuyết, danh thiếp, cáo bạch,
thiệp mời, thiệp báo tin mừng, thiệp báo tin
buồn, phong bì, giấy thơ, factures, reçus, vé
ô-tô, vé rạp hát, vãn, vãn.

In nhanh chóng, cẩn thận đẹp đẽ

Giá tính rẻ hơn mọi nơi

Imp. Đông-Tây — Hanoi

Le Gérant : Dương-Tu-Quán